

SÀI HỒ (RỄ)

Bupleuri chinensis Radix

Bắc sài hồ

Rễ được làm khô của cây Bắc Sài hồ (*Bupleurum chinense* DC.), họ Hoa tán (Apiaceae). Thu hoạch vào mùa xuân hay mùa thu, đào lấy rễ, cắt bỏ thân, lá trên mặt đất, rửa sạch đất cát, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Rễ hình trụ hoặc hình nón thon dài, dài 6 cm đến 15 cm, đường kính 0,3 cm đến 0,8 cm. Phần đầu rễ phình to; ở đỉnh rễ có từ 3 đến 15 gốc thân hoặc có gốc lá dạng sợi ngắn. Phần dưới của rễ phân nhánh. Mặt ngoài màu nâu đen hoặc nâu sáng, có nhiều vết nhăn dọc, vết sọc của rễ con và lỗ vỏ. Chất cứng và dai, khó bẻ gãy, mặt gãy có những lớp sợi, vỏ màu nâu sáng, phần gỗ màu trắng ngà. Mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.

Vi phẫu

Lớp vỏ gồm vài hàng tế bào dẹt. Mô mềm vỏ hẹp, có các ống tiết chứa dầu. Libe thường có các khe nứt, chứa các ống tiết nằm rải rác; mỗi ống tiết gồm các tế bào tiết bao quanh, có chứa các chất tiết màu vàng nâu hoặc vàng lục hoặc các giọt dầu. Tầng phát sinh libe-gỗ thành vòng liên tục. Gỗ rộng, chiếm hơn nửa bán kính của rễ; mạch gỗ riêng lẻ hoặc tụ thành đám; tia gỗ rõ. Sợi gỗ rất phát triển, sắp xếp cùng mô mềm gỗ thành vòng không liên tục.

Bột

Bột có màu nâu xám. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh bản gồm các tế bào màu nâu vàng, hình nhiều cạnh. Ống tiết chứa dầu thường bị gãy, có chứa một phần chất tiết màu vàng nâu hoặc vàng lục, đường kính 10 µm đến 50 µm. Sợi gỗ thường gặp, riêng lẻ hoặc tập trung thành bó sợi, thành dày, hóa gỗ. Nhiều mạch mạng và mạch xoắn.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - ethanol - nước* (8 : 2 : 1).
Dung dịch thử: Lấy khoảng 0,5 g bột dược liệu thô, thêm 20 ml *methanol* (TT), đun hồi lưu ở 80 °C trong khoảng 1 h, để nguội, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy đến còn khoảng 5 ml, lọc.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan saikosaponin A chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 0,5 mg/ml.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Nếu không có saikosaponin A chuẩn thì dùng 0,5 g bột Sài hồ (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch thử và dung dịch đối chiếu. Sau khi triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được 8 cm đến 12 cm, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng. Phun dung dịch *p-dimethylaminobenzaldehyd* 2 % (TT) trong *acid sulfuric*

40 % (TT). Sấy bản mỏng ở 60 °C cho tới khi xuất hiện vết (khoảng 5 min). Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết saikosaponin A trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu hoặc có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tạp chất (Phụ lục 12.11)

Thân, lá còn sót lại: Không quá 10,0 %.

Tạp chất khác: Không quá 1,0 %.

Tro toàn phần

Không quá 8,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid

Không quá 3,5 % (Phụ lục 9.7).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 11,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10).

Dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Định lượng

Phương pháp sắc ký lỏng (Phụ lục 5.3).

Pha động: *Acetonitril - nước* (38 : 62).

Dung dịch thử: Lấy chính xác khoảng 0,25 g bột dược liệu (qua rây số có cỡ mắt rây 0,850 mm) cho vào bình nón dung tích 50 ml, thêm 15 ml dung dịch amoni hydroxyd trong *methanol* {trộn 1 thể tích dung dịch amoni 25 % (TT) với 4 thể tích *methanol* (TT)}. Siêu âm trong 30 min. Ly tâm 3200 rpm trong 10 min, lấy lớp dịch ở trên. Bã dược liệu được chiết như trên 2 lần nữa. Rửa bình và bã dược liệu bằng 15 ml *methanol* (TT), lọc. Gộp dịch lọc và lớp dịch ở trên. Cất thu hồi dung môi đến cạn. Hòa tan cặn trong *methanol* (TT) vừa đủ 5 ml. Lọc qua màng lọc 0,45 µm.
Dung dịch chuẩn: Hòa tan saikosaponin A chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ chính xác khoảng 1 mg/ml. Từ dung dịch này pha dãy dung dịch chuẩn có nồng độ 25, 50, 100, 300 µg/ml.

Điều kiện sắc ký:

Cột kích thước (25 cm × 4,6 mm) nhồi pha tĩnh C (5 µm). Detector quang phổ tử ngoại đặt tại bước sóng 210 nm.

Thể tích tiêm: 20 µl.

Tốc độ dòng: 1,0 ml/min.

Cách tiến hành:

Tiến hành sắc ký trong 30 min.

Kiểm tra tính phù hợp của hệ thống: Tiến hành sắc ký 5 lần đối với dung dịch saikosaponin A chuẩn 100 µg/ml. Độ lệch chuẩn tương đối của diện tích pic saikosaponin A không lớn hơn 5,0 % và độ lệch chuẩn tương đối của thời gian lưu của saikosaponin A không được lớn hơn 5,0 %. Số đĩa lý thuyết của cột tính theo pic saikosaponin A không được nhỏ hơn 4000.

Độ phân giải giữa pic của saikosaponin A với pic gần nhất trên sắc ký đồ dung dịch thử không được nhỏ hơn 1,5.

Tiến hành sắc ký với các dung dịch chuẩn đã pha ở trên. Vẽ đường biểu thị sự liên quan giữa diện tích pic saikosaponin A và nồng độ các dung dịch tương ứng.

Tiến hành sắc ký với dung dịch thử. Xác định pic saikosaponin A trên sắc ký đồ của dung dịch thử bằng cách so sánh thời gian lưu với pic saikosaponin A trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn. Thời gian lưu của pic saikosaponin trên hai sắc ký đồ khác nhau không được quá 3,0 %.

Tính hàm lượng saikosaponin A trong dược liệu dựa vào diện tích pic saikosaponin A trên sắc ký đồ của dung dịch thử, đường chuẩn đã lập.

Dược liệu phải chứa không ít hơn 0,16 % saikosaponin A ($C_{42}H_{68}O_{13}$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Sài hồ thái khúc (thái nhỏ): Loại bỏ tạp chất và phần sót lại của thân, lá, rửa sạch, ủ mềm, thái khúc 2 cm đến 3 cm, phơi hoặc sấy nhẹ (40 - 50 °C) đến khô, dùng sống (thường dùng). Dùng sống trị ngoại cảm, có tác dụng thanh nhiệt, lợi tiểu, ra mồ hôi (phát hãn).

Mô tả: Những phiến dày không đều. Bên ngoài màu nâu đen hoặc nâu nhạt, có các nếp nhăn dọc và vết sẹo của rễ con. Bề mặt phiến hơi trắng ngà, có xơ. Chất cứng. Mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.

Bột, Định tính, Độ ẩm, Tro toàn phần, Tro không tan trong acid, Chất chiết được trong dược liệu, Định lượng: Yêu cầu và phương pháp thử như đối với dược liệu chưa thái khúc

Sài hồ tẩm rượu sao: Cách sao theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20. Tẩm rượu sao để trị gan nóng bốc hỏa, hoa mắt chóng mặt, ù tai, trẻ em bị đậu sởi, ngủ thấy chiêm bao sợ hãi.

Sài hồ tẩm giấm sao: Lấy Sài hồ đã thái khúc, cho giấm vào trộn đều, ủ cho đến khi giấm thấm hết vào lõi, cho vào chảo, sao nhỏ lửa, đảo đều đến khô. Dùng 12 L giấm cho 100 kg Sài hồ. Tẩm giấm sao để trị chứng can khí uất gây đau hai mạn sườn, bế kinh, kinh nguyệt không đều.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi thoáng mát, tránh mốc mọt. Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, mất tinh dầu, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính bình. Vào các kinh can, đờm, tâm bào, tam tiêu.

Công năng, chủ trị

Sơ phong, tán nhiệt, thư can, thăng dương. Chủ trị: Cảm phong nhiệt phát sốt, trị chứng hàn nhiệt vãng lai (bán biểu bán lý), sốt rét, đau tức ngực, đau tức hai mạn sườn, kinh nguyệt không đều, sa dạ con, sa trực tràng, viêm túi mật.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 6 g, có thể dùng 9 g dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiểm kỵ

Chứng hư hỏa không nên dùng.

Ghi chú

Thân rễ cây Sài hồ lá dài (*Bupleurum longiradiatum* Turcz) bề ngoài phù nhiều mấu tròn rất độc, không thể dùng làm vị thuốc Sài hồ được.

Hiện nay có dùng rễ cây Lức {Xem chuyên luận Lức (rễ)} thay Bắc sài hồ. Bắc sài hồ có mùi thơm hơn rễ cây Lức.

SÁP ONG TRẮNG

Cera alba

Sáp ong trắng là sáp ong vàng đã được tẩy màu.

Mô tả

Những khối sáp có hình dáng không nhất định, kích thước không đều nhau, thể rắn, màu trắng đục, cứng và giòn hơn Sáp ong vàng, không còn mùi mật ong, không vị, không tan trong nước, tan trong ethanol 96 % và ether nóng.

Tỷ trọng

Ở 20 °C: Khoảng 0,96 (Phụ lục 6.5).

Độ chảy

62 °C đến 69 °C (Phụ lục 6.7).

Mỡ, acid béo, nhựa và xà phòng

Yêu cầu và phương pháp thử: Xem chuyên luận “Sáp ong vàng”.

Chỉ số acid

Từ 17 đến 24.

Phương pháp thử: Xem chuyên luận “Sáp ong vàng”.

Chỉ số xà phòng

80 đến 100.

Phương pháp thử: Xem chuyên luận “Sáp ong vàng”.

Bảo quản

Để nơi thoáng mát, tránh nhiệt độ cao.

SÁP ONG VÀNG

Cera flava

Chất sáp lấy từ tổ các loài Ong mật (*Apis cerana* Fabr. hoặc *Apis mellifera* L.) hoặc các loài Ong mật khác thuộc chi *Apis*, họ Ong (Apidae).

Mô tả

Những mảnh hoặc cục nhỏ không đều nhau, hình dáng không nhất định, màu vàng hoặc nâu nhạt. Dùng tay bóp mềm ra và vụn được. Thể chất giòn hơn khi để ở nhiệt độ lạnh. Thoảng mùi mật ong, không vị. Không tan trong nước, tan được một phần trong ethanol 96 % nóng, tan trong ether nóng, cloroform, dầu béo và tinh dầu.